

BỘ Y TẾ  
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC  
ĐÃ PHÊ DUYỆT  
Lần đầu: 22/-02-2018

# Vinfast 180

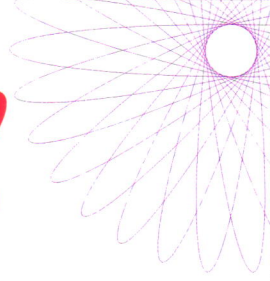
Fexofenadin HCl 180 mg



VIÊN NÉN BAO PHIM



Hộp 10 vỉ x 10 viên



Vinfast 180  
Fexofenadin HCl 180 mg



SDK:  
Số lô SX:  
NSX:  
HD:

**Công thức:** Cho 1 viên chứa:  
Fexofenadin HCl.....180 mg  
Tá dược vừa đủ.....1 viên

**Bảo quản:**  
Nơi khô ráo, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.  
**Tiêu chuẩn:** TCCS.

**Chỉ định, chống chỉ định, liều dùng, cách dùng, thận trọng,  
tác dụng không mong muốn, các thông tin khác:**  
Xin đọc tờ hướng dẫn sử dụng.

*"Để xa tầm tay trẻ em  
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng"*



Sản xuất tại: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC**  
Số 777 Đường Mê Linh, P. Khai Quang, TP. Vinh Yên, T. Vinh Phúc  
ĐT: 02113 861233 Fax: 02113 862774  
Nhà máy sản xuất: Thôn Mậu Thông, P. Khai Quang, TP. Vinh Yên, T. Vinh Phúc

Vinfast 180  
Fexofenadin HCl 180 mg

Box 10 blisters x 10 tablets  
FILM-COATED TABLETS



# Vinfast 180

Fexofenadin HCl 180 mg



# Vinfast 180

Fexofenadin HCl 180 mg

**Storage:** Store in dry, controlled temperature below 30°C, protect from light.  
**Specification:** In - house.

**Composition:** Each tablet contains:  
Fexofenadin HCl.....180 mg  
Excipient q.s.....1 tablet

*"Keep out of reach of children  
Read insert paper carefully before using"*

**Indication, contraindication, dosage and administration,  
precautions, undesirable effects, other information:**  
Please see the package insert.



Nhãn vỉ Vinfast 180 x 10 vỉ, kích thước (9.5 x 6.2)cm,  
Số lô SX, HD được dập trực tiếp trên vỉ thuốc



Nhãn hộp viên Vinfast 180 x 3 vỉ.  
Kích thước: 120 mm X 63 mm X 25 mm.

**Vinfast 180**  
Fexofenadin HCl 180 mg



VIÊN NÉN BAO PHIM



Hộp 3 vỉ x 10 viên




**Công thức:** Cho 1 viên chứa  
Fexofenadin HCl.....180 mg  
Tá dược vừa đủ.....1 viên

**Chỉ định, chống chỉ định, liều dùng, cách dùng, thận trọng, tác dụng không mong muốn, các thông tin khác:** Xin đọc tờ hướng dẫn sử dụng.

**Bảo quản:**  
Nơi khô ráo, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.  
**Tiêu chuẩn:** TCCS.

*"Để xa tầm tay trẻ em  
Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng"*

Số lô SX:  
NSX:  
HD:



FILM COATED TABLETS



**Vinfast 180**  
Fexofenadin HCl 180 mg



Sản xuất tại:  
**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC - VINPHACO**  
Số 777 Đường Mê Linh, P. Khai Quang, TP. Vinh Yên, T. Vinh Phúc  
ĐT: 02113 861233 Fax: 02113 862774  
Nhà máy sản xuất:  
Thôn Mậu Thông, P. Khai Quang, TP. Vinh Yên, T. Vinh Phúc



8 935110 202322

Nhãn trên vỉ Vinfast 180 x 3 vỉ, kích thước (9.5 x 6.2)cm,  
Số lô SX, HD được dập trực tiếp trên vỉ thuốc





**Nội dung tờ hướng dẫn sử dụng viên Vinfast 60, Vinfast 120, Vinfast 180 cho cán bộ y tế**

**Tên thuốc:**



**VINFAST 60, VINFAST 120, VINFAST 180**

**Thành phần cấu tạo của thuốc:**

Cho một viên:

**Vinfast 60**

*Dược chất:* Fexofenadin hydroclorid ..... 60 mg

*Tá dược:* Lactose, tinh bột ngô, Avicel PH 101, talc, magnesi stearat,

PVP-K30, HPMC E6, PEG 6000, Titan dioxiđ ..... vđ 1 viên

**Vinfast 120**

*Dược chất:* Fexofenadin hydroclorid ..... 120 mg

*Tá dược:* Lactose, tinh bột ngô, Avicel PH 101, talc, magnesi stearat, PVP-K30,

HPMC E6, PEG 6000, titan dioxiđ, tartrazin, đỏ oxyđ sắt ..... vđ 1 viên

**Vinfast 180**

*Dược chất:* Fexofenadin hydroclorid ..... 180 mg

*Tá dược:* Lactose, tinh bột ngô, Avicel PH 101, talc, magnesi stearat, PVP-K30,

HPMC E6, PEG 6000, titan dioxiđ, tartrazin, đỏ oxyđ sắt ..... vđ 1 viên

**Dạng bào chế:** Viên nén bao phim

**Đóng gói:**

Hộp 3 vỉ x 10 viên nén bao phim

Hộp 10 vỉ x 10 viên nén bao phim

**Dược lực học**

Mã ATC: R06AX26

Fexofenadin là thuốc kháng histamin thế hệ hai, có tác dụng đối kháng đặc hiệu và chọn lọc trên thụ thể H<sub>1</sub> ngoại vi. Thuốc là một chất chuyển hóa có hoạt tính của terfenadin, cũng cạnh tranh với histamin tại thụ thể H<sub>1</sub> ở đường tiêu hóa, mạch máu và đường hô hấp, nhưng không còn độc tính đối với tim do không ức chế kênh kali liên quan đến sự tái cực tế bào cơ tim. Fexofenadin không có tác dụng đáng kể đối kháng acetylcholin, đối kháng dopamin và không có tác dụng ức chế thụ thể alpha<sub>1</sub>- hoặc beta - adrenergic. Ở liều điều trị, thuốc không gây ngủ hay ảnh hưởng đến thần kinh trung ương. Thuốc có tác dụng nhanh và kéo dài do thuốc gắn chặt vào thụ thể H<sub>1</sub>, tạo thành phức hợp bền vững và tách ra chậm.

**Dược động học**

Fexofenadin hấp thu tốt khi dùng đường uống và bắt đầu phát huy tác dụng sau khi uống 60 phút. Nồng độ đỉnh trong máu đạt được sau 2 - 3 giờ. Thức ăn giàu chất béo làm giảm nồng độ đỉnh trong huyết tương khoảng 17% và kéo dài thời gian đạt nồng độ đỉnh của thuốc (đến khoảng 4 giờ). Tác dụng kháng histamin kéo dài hơn 12 giờ. Tỷ lệ liên kết với protein huyết tương là 60 - 70%, chủ yếu gắn vào albumin và α<sub>1</sub> - acid glycoprotein. Không rõ thuốc có qua nhau thai và bài tiết vào sữa mẹ hay không, nhưng khi dùng terfenadin đã phát hiện được fexofenadin là chất chuyển hóa của terfenadin trong sữa mẹ.

*Handwritten signature*



Fexofenadin không qua hàng rào máu - não. Fexofenadin rất ít bị chuyển hóa (khoảng 5%, chủ yếu ở niêm mạc ruột. Chỉ khoảng 0,5% - 1,5% được chuyển hóa ở gan nhờ hệ thống enzym cytochrom P<sub>450</sub> thành chất không có hoạt tính). Khoảng 3,5% liều fexofenadin được chuyển hóa qua pha II (không liên quan đến hệ enzym cytochrom P<sub>450</sub>) thành dẫn chất methyl este. Chất chuyển hóa này chỉ thấy ở trong phân nên có thể có sự tham gia của các vi khuẩn đường ruột vào chuyển hóa này. Thời gian bán thải của fexofenadin khoảng 14,4 giờ, kéo dài hơn ở người suy thận (31 - 72%). Thuốc được thải trừ chủ yếu qua phân (xấp xỉ 80%) và nước tiểu (11 - 12%) dưới dạng không đổi.

*Dược động học ở người suy thận:*

Cl<sub>cr</sub> 41 - 80 ml/phút: Nồng độ đỉnh cao hơn 87%, thời gian bán thải dài hơn 59%.

Cl<sub>cr</sub> 11 - 40 ml/phút: Nồng độ đỉnh cao hơn 111%, thời gian bán thải dài hơn 72%.

Cl<sub>cr</sub> < 10 ml/phút (ở người đang thực hiện thẩm phân): Nồng độ đỉnh cao hơn 85%, thời gian bán thải dài hơn 31% so với người khỏe mạnh.

Loại bỏ bằng thẩm phân máu không hiệu quả.

### **Chỉ định**

Điều trị triệu chứng trong viêm mũi dị ứng theo mùa, mày đay mạn tính vô căn ở người lớn và trẻ em.

### **Liều dùng - cách dùng**

**Cách dùng:** Dùng đường uống. Uống trước bữa ăn.

#### **Liều dùng:**

*Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi:*

60 mg (01 viên Vinfast 60) x 2 lần/ngày.

hoặc 120 mg (02 viên Vinfast 60 hoặc 01 viên Vinfast 120) x 1 lần/ngày.

hoặc 180 mg (03 viên Vinfast 60 hoặc 01 viên Vinfast 180) x 1 lần/ngày.

*Trẻ em dưới 12 tuổi:* Hiệu quả và sự an toàn của thuốc viên Vinfast 60, Vinfast 120, Vinfast 180 chưa được nghiên cứu ở trẻ dưới 12 tuổi. Ở trẻ em từ 6 đến 11 tuổi: Có thể sử dụng dạng bào chế khác hoặc hàm lượng khác của fexofenadin hydroclorid phù hợp hơn.

*Nhóm đối tượng đặc biệt: Bệnh nhân cao tuổi, suy thận, suy gan:* Các nghiên cứu cho thấy không cần điều chỉnh liều trên nhóm bệnh nhân này.

### **Chống chỉ định**

Quá mẫn với fexofenadin, terfenadin hay với bất cứ thành phần nào của thuốc.

### **Các trường hợp thận trọng khi dùng thuốc**

Cần thận trọng và điều chỉnh liều thích hợp khi dùng thuốc cho người có chức năng thận suy giảm vì nồng độ thuốc trong huyết tương tăng do thời gian bán thải kéo dài. Cần thận trọng khi dùng thuốc cho người cao tuổi (trên 65 tuổi) thường có suy giảm sinh lý chức năng thận.

Độ an toàn và tính hiệu quả của thuốc ở trẻ em dưới 6 tháng tuổi chưa xác định được.

Cần ngừng fexofenadin ít nhất 24 - 48 giờ trước khi tiến hành các thử nghiệm kháng nguyên tiêm trong da.

Dùng fexofenadin làm bệnh vảy nến nặng lên.

Vàng tartrazin có thể gây ra phản ứng dị ứng nên thận trọng khi sử dụng chế phẩm này.

Trong công thức có lactose, thận trọng với bệnh nhân không dung nạp galactose do di truyền, kém

hấp thu glucose - galactose hoặc thiếu lactase.

**Phụ nữ có thai:**

Do chưa có nghiên cứu đầy đủ trên người mang thai, nên chỉ dùng fexofenadin cho phụ nữ mang thai khi lợi ích cho mẹ vượt trội nguy cơ đối với thai nhi.

**Phụ nữ cho con bú:**

Không rõ thuốc có bài tiết qua sữa hay không, dù rằng chưa thấy tác dụng không mong muốn ở trẻ sơ sinh khi bà mẹ cho con bú dùng fexofenadin, vì vậy cần thận trọng khi dùng fexofenadin cho phụ nữ đang cho con bú.

**Người vận hành máy móc, đang lái tàu xe, người làm việc trên cao và các trường hợp khác:**

Do thuốc có thể gây các tác dụng không mong muốn như buồn ngủ, mệt mỏi, đau đầu. Cần thận trọng khi lái xe, vận hành máy móc hay làm việc trên cao.

**Tương tác thuốc**

Erythromycin và ketoconazol làm tăng nồng độ fexofenadin trong huyết tương, nhưng không làm thay đổi khoảng QT.

Nồng độ fexofenadin có thể bị tăng do erythromycin, ketoconazol, verapamil, các chất ức chế p-glycoprotein.

Không dùng đồng thời fexofenadin với các thuốc kháng acid chứa nhôm, magesi vì sẽ làm giảm hấp thu fexofenadin.

Fexofenadin có thể làm tăng nồng độ cồn, các chất an thần hệ TKTW, các chất kháng cholinergic.

Fexofenadin có thể làm giảm nồng độ các chất ức chế acetylcholinesterase (ở TKTW), betahistin.

Fexofenadin có thể bị giảm nồng độ bởi các chất ức chế acetylcholinesterase (ở TKTW), amphetamin, các chất kháng acid, nước ép quả bưởi, rifampin.

**Tác dụng không mong muốn (ADR)**

Trong các nghiên cứu lâm sàng có kiểm soát, tỉ lệ gặp tác dụng không mong muốn ở nhóm người bệnh dùng fexofenadin tương tự nhóm dùng placebo. Các tác dụng không mong muốn của thuốc không bị ảnh hưởng bởi liều dùng, tuổi, giới và chủng tộc của bệnh nhân.

**Thường gặp, ADR > 1/100**

Thần kinh: Buồn ngủ, mệt mỏi, đau đầu, mất ngủ, chóng mặt.

Tiêu hóa: Buồn nôn, khó tiêu.

Khác: Nhiễm virus (cảm, cúm), đau bụng kinh, nhiễm khuẩn hô hấp trên, ngứa họng, ho, sốt, viêm tai giữa, viêm xoang, đau lưng.

**Ít gặp, 1/1000 < ADR < 1/100**

Thần kinh: Sợ hãi, rối loạn giấc ngủ, ác mộng.

Tiêu hóa: Khô miệng, đau bụng.

**Hiếm gặp, ADR < 1/1000**

Da: Ban, mày đay, ngứa.

Phản ứng quá mẫn: Phù mạch, tức ngực, khó thở, đỏ bừng, choáng phản vệ.

**“Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc”**

✓



**Quá liều và xử trí**

*Quá liều:* Thông tin về độc tính cấp fexofenadin còn hạn chế. Tuy nhiên, buồn ngủ, chóng mặt, khô miệng đã được báo cáo.

*Xử trí:* Sử dụng các biện pháp thông thường để loại bỏ phần thuốc còn chưa được hấp thu ở ống tiêu hóa. Điều trị hỗ trợ và điều trị triệu chứng. Thăm phân máu làm giảm nồng độ thuốc trong máu không đáng kể (1,7%). Không có thuốc giải độc đặc hiệu.

**Các dấu hiệu cần lưu ý và khuyến cáo**

**“Đề xa tâm tay trẻ em”**

**“Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng”**

**Điều kiện bảo quản:** Nơi khô ráo, nhiệt độ dưới 30<sup>0</sup>C, tránh ánh sáng.

**Hạn dùng:** 36 tháng kể từ ngày sản xuất

**Tiêu chuẩn áp dụng:** TCCS

**Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:**

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC

Số 777 Đường Mê Linh - P. Khai Quang - TP. Vĩnh Yên - Tỉnh Vĩnh Phúc

ĐT: 02113 861233 Fax: 02113 862774

Địa chỉ nhà máy: Thôn Mậu Thông - P. Khai Quang - TP. Vĩnh Yên - Tỉnh Vĩnh Phúc

**Ngày xem xét sửa đổi, cập nhật lại nội dung hướng dẫn sử dụng thuốc:** Ngày/tháng/năm

**Nội dung tờ hướng dẫn sử dụng viên Vinfast 60, Vinfast 120, Vinfast 180 cho người bệnh**

**Tên thuốc**



**VINFAST 60, VINFAST 120, VINFAST 180**

**“Để xa tầm tay trẻ em”**

**“Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng”**

**“Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc”**

**Thành phần, hàm lượng của thuốc**

Cho một viên:

**Vinfast 60**

*Dược chất:* Fexofenadin hydroclorid ..... 60 mg

*Tá dược:* Lactose, tinh bột ngô, Avicel PH 101, talc, magnesi stearat,

PVP-K30, HPMC E6, PEG 6000, Titan dioxid ..... vd 1 viên

**Vinfast 120**

*Dược chất:* Fexofenadin hydroclorid ..... 120 mg

*Tá dược:* Lactose, tinh bột ngô, Avicel PH 101, talc, magnesi stearat, PVP-K30,

HPMC E6, PEG 6000, titan dioxid, tartrazin, đỏ oxyd sắt ..... vd 1 viên

**Vinfast 180**

*Dược chất:* Fexofenadin hydroclorid ..... 180 mg

*Tá dược:* Lactose, tinh bột ngô, Avicel PH 101, talc, magnesi stearat, PVP-K30,

HPMC E6, PEG 6000, titan dioxid, tartrazin, đỏ oxyd sắt ..... vd 1 viên

**Mô tả sản phẩm**

Dạng bào chế: Viên nén bao phim.

Hình thức:

*Viên Vinfast 60:* Viên nén bao phim, màu trắng, hình trụ, hai mặt nhẵn, thành và cạnh viên lành lặn.

*Viên Vinfast 120:* Viên nén bao phim, màu vàng cam, hình trụ, hai mặt nhẵn, thành và cạnh viên lành lặn.

*Viên Vinfast 180:* Viên nén bao phim, màu vàng cam, hình caplet, có vạch chia đôi viên, thành và cạnh viên lành lặn.

**Quy cách đóng gói**

Hộp 3 vỉ x 10 viên nén bao phim.

Hộp 10 vỉ x 10 viên nén bao phim.

**Thuốc dùng cho bệnh gì**

Điều trị triệu chứng trong viêm mũi dị ứng theo mùa, mày đay mạn tính vô căn ở người lớn và trẻ em.

**Nên dùng thuốc này như thế nào và liều lượng**

**Cách dùng:** Dùng đường uống. Uống trước bữa ăn.

**Liều dùng:**

*Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi:*

60 mg (01 viên Vinfast 60) x 2 lần/ngày.



hoặc 120 mg (02 viên Vinfast 60 hoặc 01 viên Vinfast 120) x 1 lần/ngày.

hoặc 180 mg (03 viên Vinfast 60 hoặc 01 viên Vinfast 180) x 1 lần/ngày.

*Trẻ em dưới 12 tuổi:* Hiệu quả và sự an toàn của thuốc viên Vinfast 60, Vinfast 120, Vinfast 180 chưa được nghiên cứu ở trẻ dưới 12 tuổi. Ở trẻ em từ 6 đến 11 tuổi: Có thể sử dụng dạng bào chế khác hoặc hàm lượng khác của fexofenadin hydroclorid phù hợp hơn.

*Nhóm đối tượng đặc biệt: Bệnh nhân cao tuổi, suy thận, suy gan:* Các nghiên cứu cho thấy không cần điều chỉnh liều trên nhóm bệnh nhân này.

#### **Khi nào không nên dùng thuốc này**

Quá mẫn với fexofenadin, terfenadin hay với bất cứ thành phần nào của thuốc.

#### **Tác dụng không mong muốn (ADR):**

Trong các nghiên cứu lâm sàng có kiểm soát, tỉ lệ gặp tác dụng không mong muốn ở nhóm người bệnh dùng fexofenadin tương tự nhóm dùng placebo. Các tác dụng không mong muốn của thuốc không bị ảnh hưởng bởi liều dùng, tuổi, giới và chủng tộc của bệnh nhân.

*Thường gặp, ADR > 1/100*

Thần kinh: Buồn ngủ, mệt mỏi, đau đầu, mất ngủ, chóng mặt.

Tiêu hóa: Buồn nôn, khó tiêu.

Khác: Nhiễm virus (cảm, cúm), đau bụng kinh, nhiễm khuẩn hô hấp trên, ngứa họng, ho, sốt, viêm tai giữa, viêm xoang, đau lưng.

*Ít gặp, 1/1000 < ADR < 1/100*

Thần kinh: Sợ hãi, rối loạn giấc ngủ, ác mộng.

Tiêu hóa: Khô miệng, đau bụng.

*Hiếm gặp, ADR < 1/1000*

Da: Ban, mày đay, ngứa.

Phản ứng quá mẫn: Phù mạch, tức ngực, khó thở, đỏ bừng, choáng phản vệ.

#### **Nên tránh dùng những thuốc hoặc thực phẩm gì khi đang sử dụng thuốc này**

Erythromycin và ketoconazol làm tăng nồng độ fexofenadin trong huyết tương, nhưng không làm thay đổi khoảng QT.

Nồng độ fexofenadin có thể bị tăng do erythromycin, ketoconazol, verapamil, các chất ức chế p-glycoprotein.

Không dùng đồng thời fexofenadin với các thuốc kháng acid chứa nhôm, magesi vì sẽ làm giảm hấp thu fexofenadin.

Fexofenadin có thể làm tăng nồng độ cồn, các chất an thần hệ TKTW, các chất kháng cholinergic.

Fexofenadin có thể làm giảm nồng độ các chất ức chế acetylcholinesterase (ở TKTW), betahistin.

Fexofenadin có thể bị giảm nồng độ bởi các chất ức chế acetylcholinesterase (ở TKTW), amphetamin, các chất kháng acid, nước ép quả bưởi, rifampin.

#### **Cần làm gì khi một lần quên không dùng thuốc**

Khi quên dùng thuốc, liều tiếp theo được dùng như trong chỉ định. Không dùng tăng liều khi quên dùng thuốc.

#### **Cần bảo quản thuốc này như thế nào**

Nơi khô ráo, nhiệt độ dưới 30<sup>0</sup>C, tránh ánh sáng.



### Những dấu hiệu và triệu chứng khi dùng thuốc quá liều

*Quá liều:* Thông tin về độc tính cấp fexofenadin còn hạn chế. Tuy nhiên, buồn ngủ, chóng mặt, khô miệng đã được báo cáo.

### Cần phải làm gì khi dùng thuốc quá liều khuyến cáo

*Xử trí:* Sử dụng các biện pháp thông thường để loại bỏ phần thuốc còn chưa được hấp thu ở ống tiêu hóa. Điều trị hỗ trợ và điều trị triệu chứng. Thảm phân máu làm giảm nồng độ thuốc trong máu không đáng kể (1,7%). Không có thuốc giải độc đặc hiệu.

### Các trường hợp thận trọng khi dùng thuốc:

Cần thận trọng và điều chỉnh liều thích hợp khi dùng thuốc cho người có chức năng thận suy giảm vì nồng độ thuốc trong huyết tương tăng do thời gian bán thải kéo dài. Cần thận trọng khi dùng thuốc cho người cao tuổi (trên 65 tuổi) thường có suy giảm sinh lý chức năng thận.

Độ an toàn và tính hiệu quả của thuốc ở trẻ em dưới 6 tháng tuổi chưa xác định được.

Cần ngừng fexofenadin ít nhất 24 - 48 giờ trước khi tiến hành các thử nghiệm kháng nguyên tiêm trong da.

Dùng fexofenadin làm bệnh vẩy nến nặng lên.

Vàng tartrazin có thể gây ra phản ứng dị ứng nên thận trọng khi sử dụng chế phẩm này.

Trong công thức có lactose, thận trọng với bệnh nhân không dung nạp galactose do di truyền, kém hấp thu glucose - galactose hoặc thiếu lactase.

### Phụ nữ có thai:

Do chưa có nghiên cứu đầy đủ trên người mang thai, nên chỉ dùng fexofenadin cho phụ nữ mang thai khi lợi ích cho mẹ vượt trội nguy cơ đối với thai nhi.

### Phụ nữ cho con bú:

Không rõ thuốc có bài tiết qua sữa hay không, dù rằng chưa thấy tác dụng không mong muốn ở trẻ sơ sinh khi bà mẹ cho con bú dùng fexofenadin, vì vậy cần thận trọng khi dùng fexofenadin cho phụ nữ đang cho con bú.

### Người vận hành máy móc, đang lái tàu xe, người làm việc trên cao và các trường hợp khác:

Do thuốc có thể gây các tác dụng không mong muốn như buồn ngủ, mệt mỏi, đau đầu. Cần thận trọng khi lái xe, vận hành máy móc hay làm việc trên cao.

### Khi nào cần tham vấn bác sĩ, dược sĩ

Khi gặp các tác dụng không mong muốn của thuốc, cần tham vấn bác sĩ, dược sĩ.

**“Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sĩ hoặc dược sĩ”**

### Hạn dùng của thuốc

36 tháng kể từ ngày sản xuất

### Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC

Số 777 Đường Mê Linh - P. Khai Quang - TP. Vĩnh Yên - Tỉnh Vĩnh Phúc

ĐT: 02113 861233

Fax: 02113 862774

Địa chỉ nhà máy: Thôn Mậu Thông - P. Khai Quang - TP. Vĩnh Yên - Tỉnh Vĩnh Phúc

Ngày xem xét sửa đổi, cập nhật lại nội dung hướng dẫn sử dụng thuốc: Ngày/tháng/năm